

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 08-7-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thu Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Chiến và bà Nguyễn Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phan Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lã Hải Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Mai Thị L, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn 1 PP, xã N, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn C, sinh năm 1976.

Nơi thường trú: 528/23 đường T, Kp 5, phường T1, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 1398 đường P, phường L1, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 11 năm 2021. Có mặt.

- *Bị đơn:* bà Mai Thị V, sinh năm 1976 và ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1972.

Cùng cư trú tại: Tổ 10 khu 2, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Bà V có mặt, ông H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn C trình bày: ngày 20/11/2014 (âm lịch) bà Mai Thị V cùng chồng là ông Phạm Mạnh H đã đến nhà bà L tại địa chỉ xóm 1 PP, xã N, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa để vay số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền ký ngày 20/11/2014 (âm lịch). Đến ngày 19/02/2015 (âm lịch), bà V và ông H tiếp tục vay bà L

số tiền 560.000.000đ (năm trăm sáu mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ký ngày 19/02/2015 (âm lịch). Toàn bộ số tiền trên là tiền cá nhân của bà L. Bà V và ông H cam kết sẽ trả lại số tiền gốc cả nợ cũ lẫn nợ mới khi gia đình bà L có việc cần. Đến tháng 4 năm 2015, bà L đã yêu cầu bà V và ông H trả lại toàn bộ số tiền trên để gia đình bà L trả nợ và lo cho con đi học đại học, nhưng bà V và ông H xin nợ lại một tháng. Đến tháng 6/2015, bà V và ông H đưa gia đình chuyển tới nơi ở mới tại tổ 10 khu 2, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Bà V và ông H có thông báo cho bà L việc chuyển nơi sinh sống để đi làm kiếm tiền trả nợ dần. Nhưng từ đó đến nay, bà V và ông H vẫn chưa trả được nợ cho bà L. Năm 2015, bà L có làm đơn tố cáo hành vi trốn tránh không trả nợ của bà V đến cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Thanh Hóa nhưng cơ quan Công an đã đình chỉ điều tra, không giải quyết. Nhận thấy việc bà V và ông H không trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà L đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Thanh Hóa yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị V và ông Phạm Mạnh H trả lại cho bà Mai Thị L số tiền 1.060.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu phải trả lãi. Sau đó, trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị L và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn C có quan điểm: do thời gian vay tiền xảy ra đã lâu, không nhớ rõ nên bà L khởi kiện buộc ông H phải cùng bà V trả nợ là không chính xác. Nay bà L khẳng định, chỉ có bà V vay tiền của bà, do tin tưởng nên bà L cho bà V ký hộ chữ ký, chữ viết tên ông H trong giấy vay tiền ngày 20/11/2014 (âm lịch); ông H không đi cùng bà V đến nhà bà để vay tiền và cũng không biết, không liên quan, không ký vào giấy vay tiền và không nhận tiền của bà L. Vì vậy, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Phạm Mạnh H phải liên đới cùng bà V trả số tiền nợ 1.060.000.000 đồng; chỉ yêu cầu Tòa án buộc một mình bà V phải trả lại số tiền nợ 1.060.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Mai Thị V trình bày: bà với bà Mai Thị L là quan hệ quen biết hàng xóm, giữa các bên không có mâu thuẫn gì. Bà thừa nhận có vay nợ của bà L số tiền 1.060.000.000 đồng đúng như hai giấy vay tiền mà bà L đã trình bày. Tuy nhiên, việc vay tiền, viết giấy chỉ giữa hai bên là bà Mai Thị L và bà Mai Thị V, ông Phạm Mạnh H không được biết, không tham gia, cũng không chứng kiến gì. Bà cũng thừa nhận mình là người đã viết và ký tên vào hai giấy vay tiền ngày 20/11/2014 (lịch âm); ngày 19/02/2015 (âm lịch), để xác nhận nội dung bà đã vay của bà L số tiền 1.060.000.000 đồng. Chữ ký, chữ viết thể hiện ông H ký tên trong Giấy vay tiền ngày 20/11/2014 (lịch âm) không phải do ông H ký, viết ra mà là chữ ký, chữ viết của bà V do bà L yêu cầu bà làm như vậy. Số tiền vay của bà L, bà V dùng để trả nợ cá nhân, không dùng vào mục đích chung của gia đình, ông H không được chi tiêu, không được sử dụng số tiền trên. Do hiện nay, gia đình bà đang khó khăn nên chưa có điều kiện để trả tiền ngay cho bà L.

Bị đơn ông Phạm Mạnh H trình bày: gia đình ông với bà Mai Thị L là quan hệ xã hội bình thường, giữa các bên không có mâu thuẫn gì. Đối với Giấy vay tiền ngày 20/11/2014 (lịch âm) phía nguyên đơn cung cấp có thể hiện chữ ký và chữ viết Phạm Mạnh H, ông khẳng định đó không phải là chữ ký và chữ viết của ông. Ông chưa từng viết hay ký vào bất kỳ giấy vay nợ nào của bà L. Việc vay tiền giữa vợ ông là bà V với

bà L, ông không được biết cũng không tham gia hay chứng kiến; không được sử dụng hay hưởng lợi gì đối với số tiền mà bà V đã vay của bà L. Do đó, ông có quan điểm do ông không vay nợ của bà L cũng như không ký vào các giấy vay nợ của bà L nên ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ cho bà L.

Sau khi thụ lý vụ án vào ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành xác minh và có kết quả: ông Phạm Mạnh H và bà Mai Thị V đang cư trú tại địa chỉ: tổ 10 khu 2, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Thanh Hóa đã chuyển vụ án trên đến Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh thực hiện giám định: chữ viết, chữ ký trong các Giấy vay tiền ngày 20/11/2014 (lịch âm) và Giấy vay tiền ngày 19/02/2015 (lịch âm) có phải là của ông Phạm Mạnh H viết, ký ra hay không?. Tại Kết luận giám định số 364/KL-GĐTL ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: chữ viết và chữ ký dạng chữ viết trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A01, A02 (là 02 tờ giấy vay tiền ngày 20/11/2014 và 19/02/2015) so với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01, M02 (là mẫu chữ viết, chữ ký của ông Phạm Mạnh H) không phải do cùng một người viết ra.

Ngày 30/11/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với việc bà Mai Thị V có hành vi vay nợ của 41 người, trong đó có bà Mai Thị L, nhưng chưa thực hiện trả nợ. Xác định vụ việc chỉ là quan hệ dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng của các đương sự tham gia tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với việc rút yêu cầu ông Phạm Mạnh H phải có trách nhiệm cùng bà Mai Thị V trả số tiền nợ 1.060.000.000 đồng của bà Mai Thị L; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L, buộc bà Mai Thị V phải trả cho bà L số tiền 1.060.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Mai Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Mai Thị V và ông Phạm Mạnh H. Bà V và ông H có hộ khẩu thường trú tại tổ 10 khu 2, phường C, thành

phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về dân sự; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C có mặt tại phiên tòa; bị đơn bà Mai Thị V có mặt, ông Phạm Mạnh H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: bà Mai Thị L và bà Mai Thị V có quan hệ vay tài sản thể hiện qua hai giấy vay tiền vào các ngày 20/4/2014 (âm lịch) với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và ngày 19/02/2015 (âm lịch) với số tiền 560.000.000đ (năm trăm sáu mươi triệu đồng); tổng số tiền là 1.060.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng). Giấy vay tiền không xác định thời hạn, không thể hiện việc thế chấp tài sản và lãi suất. Xét thấy, đây là bản chính do chính bà V viết, ký nhận thể hiện số tiền vay cụ thể, rõ ràng; hình thức và nội dung không trái pháp luật, nên đây là giao dịch vay tiền hợp pháp giữa bà V và bà L. Về yêu cầu của nguyên đơn: bà Mai Thị L đề nghị Tòa án buộc bà Mai Thị V trả số tiền nợ gốc là 1.060.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi. Xét thấy, bà V thừa nhận chữ viết chữ ký của mình trong các giấy vay tiền với bà L, thừa nhận đã vay bà L số tiền 1.060.000.000 đồng như nội dung của 2 giấy vay nợ nêu trên là đúng. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định bà Mai Thị V có vay bà Mai Thị L số tiền 1.060.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng). Như vậy, yêu cầu của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Mạnh H: căn cứ vào Kết luận giám định số 364/KL-GĐTL ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh thể hiện chữ viết chữ ký trong các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp không phải là của ông Phạm Mạnh H; cùng quan điểm của bà V, bà L đều thừa nhận ông Phạm Mạnh H không ký và viết vào các giấy vay tiền giữa bà V và bà L, ông H không được biết gì về việc vay tiền của bà V và bà L. Bản thân ông và gia đình không được sử dụng hay hưởng lợi gì từ số tiền mà bà V đã vay của bà L. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H có trách nhiệm cùng với bà V thanh toán số tiền 1.060.000.000 đồng cho bà L, mà chỉ yêu cầu một mình bà V phải trả toàn bộ số tiền trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

[4] Về án phí, chi phí giám định:

- Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L được chấp nhận nên bà Mai Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Mai Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

- Về chi phí giám định: trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 20/11/2014 (lịch âm) và Giấy vay tiền ngày 19/02/2015 (lịch âm) có phải là của ông

Phạm Mạnh H viết, ký ra hay không?. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định với số tiền 5.100.000 đồng. Tòa án đã chi phí hợp lý cho việc giám định hết số tiền này. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về việc nộp chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại các điều 161, 162 Bộ luật Tố Tụng dân sự, bị đơn bà V phải chịu chi phí giám định, cần buộc bà V có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 5.100.000 đồng cho bà L.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 161; Điều 162; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 290; Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu ông Phạm Mạnh H phải có trách nhiệm cùng bà Mai Thị V trả số tiền nợ 1.060.000.000 đồng của bà Mai Thị L.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L. Buộc bà Mai Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị L số tiền 1.060.000.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Mai Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Mai Thị V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (trả không đủ hoặc không trả) cho bà L, thì hàng tháng bà V còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Về án phí: bà Mai Thị V phải chịu 43.800.000đ (bốn mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Mai Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.900.000đ (hai mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011025 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

**4.** Về chi phí giám định: buộc bà Mai Thị V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị L số tiền chi phí hợp lý cho việc giám định là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Mai Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền chi phí giám định, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn bà Mai Thị L, bị đơn bà Mai Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Mạnh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS huyện N1,
- tỉnh Thanh Hóa.
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thu Đông**